

Số: 822/QĐ-ĐHDK

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 9 tháng 8 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt danh sách giáo trình/tài liệu chính thức  
của các học phần thuộc CTĐT 03 ngành hệ đại học chính quy

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 187/QĐ-DKVN ngày 19/01/2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-ĐHDK ngày 08/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc ban hành Khung chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-ĐHDK ngày 15/8/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định, xét duyệt giáo trình/tài liệu chính thức của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/8/2022 của Hội đồng thẩm định, xét duyệt giáo trình/tài liệu chính thức về việc lựa chọn danh sách giáo trình/tài liệu chính thức cần đưa vào giảng dạy, học tập theo chương trình đào tạo 03 ngành hệ đại học chính quy của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 197/TTr-ĐT ngày 18/8/2022 Trường Phòng Đào tạo về việc danh sách giáo trình/tài liệu chính thức của các học phần thuộc CTĐT 03 ngành hệ đại học chính quy,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách giáo trình/tài liệu chính thức của các học phần thuộc CTĐT hệ đại học chính quy theo danh sách trong Phụ lục đính kèm.



**Điều 2.** Các Khoa KHCB và Khoa Dầu khí sử dụng giáo trình/tài liệu chính thức trong danh sách để xây dựng Đề cương chi tiết học phần và sử dụng trong giảng dạy.

**Điều 3.** Danh sách giáo trình/ tài liệu chính thức được đưa vào sử dụng cho chương trình đào tạo đại học chính quy bắt đầu từ khóa 10.

**Điều 4.** Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa KHCB, Trưởng Khoa Dầu khí và Giám đốc Trung tâm Thông tin thư viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT. HĐT (e-copy để b/c);
- BGH (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



**TS. Phan Minh Quốc Bình**

**Phụ lục: DANH SÁCH GIÁO TRÌNH/TÀI LIỆU CHÍNH THỨC CỦA CÁC HỌC PHẦN THUỘC CTĐT 03 NGÀNH KỸ THUẬT  
ĐỊA CHẤT, KỸ THUẬT DẦU KHÍ, KỸ THUẬT HÓA HỌC  
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Đính kèm theo Quyết định số: 822/QĐ-ĐHDK ngày 19/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
1	Triết học Mác - Lênin	SOC01301	[1] Giáo trình Triết học Mác - Lênin. Nxb Chính trị quốc gia
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	SOC01202	[1] Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nxb Chính trị quốc gia
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	SOC01203	[1] Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội Khoa học. Nxb Chính trị quốc gia
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	SOC01204	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nxb Chính trị quốc gia
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	SOC01205	[1] Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia
6	Kỹ năng Nghề nghiệp	SOC02206	[1] Sự thật cứng về kỹ năng mềm / Klaus, Peggy Klaus, Peggy. - Trẻ : 2012 [2] Kỹ năng học tập theo phương pháp Buzan / Buzan, Tony. - 2014
7	Giải tích 1	MAT11301	[1] James Stewart.: Calculus: Early Transcendentals, 8th Edition (2015)
8	Giải tích 2	MAT11302	[1] James Stewart.: Calculus: Early Transcendentals, 8th Edition (2015)
9	Giải tích 3	MAT12203	[1] James Stewart.: Calculus: Early Transcendentals, 8th Edition (2015)
10	Phương pháp tính	MAT12204	[1] Hillen, T; Leonard, I.E; Roessel, H.Van. Partial differential equations: theory and completely solved problems, 2012.
11	Phương trình vi phân	MAT12305	[1] Christian Constanda, Differential Equations: A Primer for Scientists and Engineers, 1st Edition
12	Xác suất thống kê	MAT12206	[1] Phạm Văn Kiêu, Xác suất Thống kê, NXB Giáo dục, 2008
13	Lý thuyết ma trận và đại số tuyến tính	MAT13207	[1] Carl Meyer, Matrix Analysis and Applied Linear Algebra, SIAM, 2001.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
14	Nhập môn phương trình đạo hàm riêng	MAT13208	[1] Hillen, T; Leonard, I.E; Roessel, H.Van. Partial differential equations: theory and completely solved problems, 2012.
15	Vật lý đại cương 1	PHY21201	[1] H. D. Young, R. A. Freeman, and A. L. Ford, University Physics, Addison-Wesley; 13th edition (January 8, 2011), ISBN-10: 032173338X, ISBN-13: 978-0-321-50147-9
16	TN Vật lý đại cương 1	PHY21101LAB	[1] H. D. Young, R. A. Freeman, and A. L. Ford, University Physics, Addison-Wesley; 13th edition (January 8, 2011), ISBN-10: 032173338X, ISBN-13: 978-0-321-50147-9
17	Vật lý đại cương 2	PHY21202	[1] H. D. Young, R. A. Freeman, and A. L. Ford, University Physics, Addison-Wesley; 13th edition (January 8, 2011), ISBN-10: 032173338X, ISBN-13: 978-0-321-50147-9
18	TN Vật lý đại cương 2	PHY21102LAB	[1] H. D. Young, R. A. Freeman, and A. L. Ford, University Physics, Addison-Wesley; 13th edition (January 8, 2011), ISBN-10: 032173338X, ISBN-13: 978-0-321-50147-9
19	Cơ sở kỹ thuật 1 (Vẽ kỹ thuật) +Lab	ELE31201	[1] Technical Drawing, Frederick E. Giesecke, Pearson Prentice Hall, 2009. [2] Manual Of Engineering Drawing, Colin H. Simmons, Dennis E. Maguire, Neil Phelps, Newnes, 2009.
20	Điện - Điện tử (+Lab)	ELE32202	[1] James W. Nilsson and Susan A. Riedel: Electric Circuits, Prentice Hall, 2015 [2] William H. Hayt: Engineering Circuit Analysis, McGraw-Hill, 2012.
21	Phân tích mạch điện (+Lab)	ELE32203	William H. Hayt: Engineering Circuit Analysis, McGraw-Hill, 2012.
22	Điều khiển quá trình (+Lab)	ELE33305	[1] Dale E. Seborg, Thomas F. Edgar. Process Dynamics and Control. 2nd edition. Wiley. 2004.
23	Nhiệt động lực học	MEC32301	[1] Cơ sở kỹ thuật nhiệt, Phạm Lê Dân, Đặng Quốc Phú, NXB Giáo dục, 2010

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
24	Cơ học chất lưu (+ Lab)	MEC22302	[1] Fox, R. W., Pritchard, P. J., McDonald, A. T., Introduction to Fluid Mechanics, 8th Edition, John Wiley, 2011. [ISBN-13 978-0470-54755-7]. [2] Cengel, Y., Cimbala, J., Fluid Mechanics: Fundamentals and Applications, 3rd Edition, McGraw-Hill Education, 2015. [ISBN-13: 978-00733-8032-2].
25	Cơ học chất lưu	MEC23207	[1] Fox, R. W., Pritchard, P. J., McDonald, A. T., Introduction to Fluid Mechanics, 8th Edition, John Wiley, 2011. [ISBN-13 978-0470-54755-7]. [2] Cengel, Y., Cimbala, J., Fluid Mechanics: Fundamentals and Applications, 3rd Edition, McGraw-Hill Education, 2015. [ISBN-13: 978-00733-8032-2].
26	Cơ lý thuyết	MEC32303	[1] Beer, Johnston, Mazurek, Cornwell, Eisenberg. Vector Mechanics for Engineers: Statics and Dynamics, McGraw Hill (2013). [2] R.C. Hibberler. Engineering Mechanics, 12th edition, Prentice Hall (2012).
27	Sức bền vật liệu (+ Lab)	MEC32304	[1] Ferdinand Beer, Jr., E. Russell Johnston, John DeWolf, David Mazurek, Mechanics of Materials, 5th Edition, McGraw-Hill Science, 2009.
28	Thiết bị thủy khí	MEC32205	[1] Matousek, V, "Dredge pumps and slurry transport", TU Delft, 2004 [2] Nguyễn, Bin, "Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1: Các quá trình thủy lực, bơm, quạt, máy nén", 2008.
29	Kỹ thuật đo lường	MEC32206	[1] Doebelin, Ernest O. Measurement systems: Application and Design, 2003.
30	Cơ sở kỹ thuật 2 (+Lab)	INC31301	[1] Machine Learning With Python For Everyone, NXB Professional = Pearson , 2020

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
31	An toàn lao động và bảo vệ môi trường	PSE13201	[1] Industrial safety and health management / Ashfahl, C.Ray; Rieske, David W. - New Jersey : Pearson Education, Inc , 2010 [2] Kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động ngành Địa chất – Dầu khí, Võ Thái Trang, - Thái Võ Trang, NXB Đại học Quốc gia TPHCM, 2002. [3] Occupational health and safety management: a practical approach, Charles D. Reese, CRC Press, 2003.
32	Kinh tế Dầu khí	ECO13301	[1] TS. Bùi Xuân Hồi, “ Lý Thuyết Giá Năng Lượng”, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật, 2008
33	Tiếng Anh dự bị	ENG41000	[1] C. Oxenden and C. Latham-Koenig, English File – Elementary. Oxford: Oxford University Press, 2012. [2] C. Latham-Koenig and C. Oxenden, English File – Pre-Intermediate. Oxford: Oxford University Press, 2012. [3] D. Wills, Grammar for IELTS Writing – a handbook. [4] Zim – School of English and Test Preparation, Understanding Grammar for IELTS Writing Academic English. 4th edition.
34	Tiếng Anh 1	ENG41301	[1] C. Latham-Koenig, C. Oxenden, P. Seligson, and J. Lambert, English File: Pre-Intermediate Student's Book with Online Practice. Oxford University Press, 2018. [2] A. Savage, Effective Academic Writing 1 – The Paragraph. Oxford University Press, 2012.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
35	Tiếng Anh 2	ENG42302	<p>[1] G. Brook-Hart and V. Jakeman, Complete IELTS Bands 4-5 Student's book. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[2] R. Wyatt, Complete IELTS Bands 4-5 Workbook. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[3] G. Brook-Hart and V. Jakeman, Complete IELTS Bands 5-6.5 Student's book. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[4] M. Harrison, Complete IELTS Bands 5-6.5 Workbook. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[5] M. Clark, IELTS Speaking. Quynan Press, 2007.</p> <p>[6] Ngo, T. (2021). IELTS Key Writing: Công thức học nhanh IELTS Writing Task 1. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p>[7] J. Palley, A. Li, and O. Davies, 31 High-scoring Formulas to Answer the IELTS Speaking Questions. Foreign Language Teaching and Research Press, 2014.</p> <p>[8] Lessons for IELTS. New Oriental Education and Technology Group IELTS Research Institute, 2013.</p>
36	Tiếng Anh 3	ENG42303	<p>[1] G. Brook-Hart and V. Jakeman, Complete IELTS Bands 4-5 Student's book. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[2] R. Wyatt, Complete IELTS Bands 4-5 Workbook. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[3] G. Brook-Hart and V. Jakeman, Complete IELTS Bands 5-6.5 Student's book. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[4] M. Harrison, Complete IELTS Bands 5-6.5 Workbook. Cambridge University Press, 2012.</p> <p>[5] J. Palley, A. Li, and O. Davies, 31 High-scoring Formulas to Answer the IELTS Speaking Questions. Foreign Language Teaching and Research Press, 2014.</p> <p>[6] Lessons for IELTS. New Oriental Education and Technology Group IELTS Research Institute, 2013.</p>

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
37	Tiếng Anh 4	ENG43304	[1] Cambridge Exams Publishing (2020). IELTS Academic 15. Quyan Press. [2] Cambridge Exams Publishing (2021). IELTS Academic 16. Quyan Press.
38	Hóa Đại cương 1	CHE11301	[1] Hóa đại cương / Nguyễn Đình Soa. - Tp. HCM : ĐHQG HCM , 2016.
39	TN Hóa Đại Cương 1	CHE11101LAB	[1] Thực hành hoá học đại cương/ Hà thị Ngọc Lan – NXB KHKT – HN, 2003
40	Hóa đại cương 2	CHE12302	[1] Hóa đại cương / Nguyễn Đình Soa. - Tp. HCM : ĐHQG HCM , 2016
41	TN Hóa Đại Cương 2	CHE12102LAB	[1] Thực hành hoá học đại cương/ Hà thị Ngọc Lan – NXB KHKT – HN, 2003
42	Hóa đại cương 2 (+Lab)	CHE12303	[1] Hóa đại cương / Nguyễn Đình Soa. - Tp. HCM : ĐHQG HCM , 2016. [2] Thực hành hoá học đại cương/ Hà thị Ngọc Lan – NXB KHKT – HN, 2003
43	Giáo dục thể chất 1	PED11101	[1] Nguyễn Thùy Vân, Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc Việt; NXB Thể thao và du lịch, 2021
44	Giáo dục thể chất 2	PED11102	[1] Nguyễn Thùy Vân, Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc Việt; NXB Thể thao và du lịch, 2021
45	Giáo dục thể chất 3	PED12103	[1] Nguyễn Thùy Vân, Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học, góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc Việt; NXB Thể thao và du lịch, 2021
46	Hóa hữu cơ 1	PPR12301	[1] Graham Solomons, Craig B. Fryhle. Organic Chemistry 9th edition, Wiley, 2008. [2] Organic chemistry / Wade, Leroy G. - 8th ed. - Endenburg, UK.: Pearson Education Ltd., 2014.
47	TN Hóa hữu cơ 1	PPR12101LAB	[1] Trần Thị Việt Hoa, Trần Văn Thanh, Phạm Thành Quân. Kỹ thuật thực hành tổng hợp hữu cơ. NXB ĐHQH TpHCM, 2012

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
48	Những nguyên lý kỹ thuật hóa học	PPR12302	[1] Các quá trình cơ bản tổng hợp hữu cơ / Phan, Đình Châu. - Xuất bản lần 2 có sửa chữa và bổ sung. - Hà Nội: Khoa học và Kỹ thuật, 2008. [2] Elementary principles of Chemical processes: student workbook / Felder, Richard M; Rousseau, Ronald W; Huvad, Gary s. - 3rd ed. with integrated media and study tools. - New York: John Wiley & Sons, 2005.
49	Truyền nhiệt	PPR12303	[1] Truyền nhiệt / Đặng, Quốc Phú; Trần, Thế Sơn; Trần, Văn Phú. - Hà Nội : Giáo dục , 2007. [2] Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 3: Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt / Phạm, Xuân Toàn. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2008.
50	Thực tập nghề nghiệp 1 (hè)	PPR12204	[1]. Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK. : Elsevier Ltd. , 2013. [2] Chemical process equipment: selection and design. - MA. : Elsevier Inc , 2012. [3] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 1999. [4] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 2 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2000.
51	Truyền khối	PPR13305	[1] Fundamentals of momentum, heat, and mass transfer / Welty, James R. ... [et al. - 5th ed - Danver, MA : Wiley , 2008. [2] Heat and mass transfer : a practical approach / Cengel, Yunus A. - 3rd ed. - Boston : McGraw-Hill , 2007. [3] Mass Transfer Processes: Modeling, Computations, and Design. P. A. Ramachandran - Prentice Hall , 2018
52	Công nghệ chế biến khí	PPR13306	[1] Gas conditioning and processing, John M Campbell, 9th edition, volume 1,2. Petroskills, 2014

đổi tên

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
53	Thiết kế thiết bị phản ứng hóa học	PPR13207	<p>[1] Piere Trambouze, Jean-Paul Euzen, Chemical reactors: from design to operation, Edition Technip, 2004.</p> <p>[2] Reaction kinetics and reactor design/ Butt, John B. - 2nd ed. - New York: M. Dekker , 2000.</p> <p>[3] Gavin Towler, Ray Sinnott. Chemical Engineering Design: Principles, Practice and Economics of Plant and Process Design 3E. Butterworth-Heinemann, 2021</p>
54	Thiết kế nhà máy hóa học	PPR14309	<p>[1] “Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design”, Towler G., Sinnott R, Butterworth-Heinemann , 2021.</p> <p>[2] Chemical Process Equipment Design, Richard Turton, Prentice Hall, 2017.</p>
55	Thiết kế nhà máy hóa học	PPR14309	<p>[1] Gavin Towler, Ray Sinnott. Chemical Engineering Design: Principles, Practice and Economics of Plant and Process Design 3E. Butterworth-Heinemann, 2021.</p> <p>[2].Chemical process equipment: selection and design. - MA.: Elsevier Inc ,2012.</p> <p>[3] Hervé Baron, The oil &amp; gas engineering guide - Technip edition, 2018.</p>
56	Công nghệ hóa dầu	PPR14310	<p>[1] Chemistry of petrochemical processes, Sami Matar, Lewis F. Hatch, Gulf Professional Publishing , 2001.</p> <p>[2] Handbook of petrochemicals production processes. Meyers, Robert A., - 2nd edition. New York: McGraw-Hill, 2018.</p> <p>[3] Elementary Principles of Chemical Processes 4th Edition GE, Richard M. Felder, Ronald W. Rousseau, Lisa G. Bullard, Wiley, 2017.</p> <p>[4] Công nghệ tổng hợp hữu cơ hóa dầu / Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Hồng Liên - Hà Nội: Khoa học và Kỹ thuật, 2006.</p>

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
57	Sản phẩm dầu mỏ (+Lab)	PPR14311	[1] Jean-Pierre Wauquier. Petroleum Refining Crude Oil, Petroleum Products, Process Flowsheets, Petroleum refining. volume 1. - Paris : Editions Technip, 1995. [2] Robert Meyers. Handbook of Petrochemicals Production, Second Edition. McGraw Hill, 2018
58	Mô phỏng và tối ưu hóa nhà máy lọc dầu	PPR14312	[1] Required: J. Haydary, Chemical Process Design and Simulation: Aspen Plus and Aspen Hysys Applications. John Wiley & Sons, 2019. [2] Mô hình hóa hệ thống và mô phỏng / Nguyễn Công Hiền; Nguyễn Phạm Thục Anh. - Hà Nội: Khoa học và Kỹ thuật, 2006 [3] Refinery operation and Management, Jean Pierre Pavenec. Edition Technip, 2001
59	TN Chuyên ngành 2	PPR14113LAB	[1] “Hóa học dầu mỏ và khí”; Đinh Thị Ngọc; 2008
60	Đồ án chuyên ngành 1	PPR13241	[1] Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK.: Elsevier Ltd., 2013. [2] Chemical process equipment: selection and design. - MA.: Elsevier Inc, 2012.
61	Đồ án chuyên ngành 2	PPR14214	[1]. Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK. : Elsevier Ltd. , 2013. [2]. Chemical process equipment: selection and design. - MA. : Elsevier Inc , 2012. [3]. Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 1999. [4]. Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 2 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2000.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
62	Thực tập tốt nghiệp	PPR14315	<p>[1]. Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK. : Elsevier Ltd. , 2013.</p> <p>[2] Chemical process equipment: selection and design. - MA. : Elsevier Inc , 2012.</p> <p>[3] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 1999.</p> <p>[4] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 2 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2000.</p>
63	Đồ án tốt nghiệp	PPR14816	<p>[1] Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK. : Elsevier Ltd. , 2013.</p> <p>[2] Chemical process equipment: selection and design. - MA. : Elsevier Inc , 2012.</p> <p>[3] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 1999.</p> <p>[4] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 2 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2000.</p>
64	Hóa lý 1	PPR13317	<p>[1] Hóa lý và hóa keo, Nguyễn Hữu Phú, 2003</p> <p>[2] Catalytic chemistry (Gates, Bruce C. Gates) 1992</p>
65	TN Hóa lý	PPR13119LAB	<p>[1] Hướng dẫn thực hành hoá lý 1, Nguyễn Văn Kiệt, PVU</p> <p>[2] Thực hành hoá học đại cương, Hà Thị Ngọc Loan, NXB KH&amp;KT HN, 2003</p>
66	Hóa Phân tích	PPR12320	<p>[1] Quantitative Chemical Analysis Tenth Edition, Daniel C. Harris, Charles A. Lucy, W. H. Freeman , 2019</p> <p>[2] Cơ sở hóa học phân tích hiện đại. Tập 1: Các phương pháp phân tích hóa học / Hồ Viết Quý. - Hà Nội : Đại học Sư phạm , 2008.</p> <p>[3] Cơ sở hóa học phân tích hiện đại. Tập 2: Các phương pháp phân tích lý - hóa / Hồ Viết Quý. - Hà Nội : Đại học Sư phạm , 2008.</p>

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
67	TN Hóa Phân tích	PPR12120LAB	[1] Quantitative chemical analysis, Daniel C.Harris, tenth edition, W.H.Freeman and Comapnay, New York, 2019
68	Hóa học Polyme	PPR13323	[1] Introduction to polymers/ Young, Robert J; Lovell, Peter A. - 3rd ed. - New York : CRC Press , 2011. [2] Polymer science and technology / Fried, Joel R. - 2nd ed. - Upper Saddle River, NJ : Prentice Hall Professional Technical Reference , 2003. [3] Cơ sở hóa học polyme. Tập 1 / Phan, Thị Minh Ngọc; Bùi, Chương. - Hà Nội : Bách khoa HN , 2011.
69	Hóa sinh	PPR13324	[1] Hóa sinh công nghiệp, Lê Ngọc Tú, Nxb Khoa học và Kỹ thuật hà Nội , 2002
70	Kỹ thuật phản ứng	PPR13326	[1] H. Cott Fogler, Elements of Chemical Reaction Engineering (Prentice Hall International Series in the Physical and Chemical Engineering Sciences) 6th Edition,
71	Hóa học dầu mỏ	PPR13327	[1] Hóa học dầu mỏ và khí: giáo trình dùng cho sinh viên và học viên Đại học Bách khoa Hà Nội và các trường khác / Đinh, Thị Ngọc. - Xuất bản lần thứ 5 có chỉnh sửa. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2009. [2] Crude oil, petroleum products, process flowsheets : Petroleum refining volume 1 - Paris: Editions Technip, 1995. [3] Conversion processes: Petroleum refining. volume 3. - Paris : Editions Technip, 2001.
72	Thiết bị trong chế biến dầu khí	PPR14228	[1] James R. Couper, W. Roy Penney, Stanley M. Walas, Chemical Process Equipment: selection and design, 3rd Edition , 2012. [2] A working guide to process equipment/ Lieberman, Norman P; Lieberman, Elizabeth T. - 4th ed. - NY. : McGraw-Hill Education , 2014.
73	Năng lượng tái tạo	PET13233	[1]. Goldemberg, J (2012). Energy: What Everyone Needs to Know. Oxford University Press.



STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
74	Công nghệ chế biến dầu nặng	PPR14230	[1] Murray R.Gray, Upgrading Petroleum Residues and Heavy Oils, Marcel Dekker, 1994 [2] Separation processes: Petroleum refining. - Paris: Editions Technip, 2000. [3] Conversion processes: Petroleum refining. - Paris: Editions Technip, 2001.
75	Phụ gia cho các sản phẩm dầu	PPR14231	[1] S. P. Srivastava and Jenő Hancsók, Fuels and Fuel-Additives, Wiley, 2014.
76	Quá trình sản xuất dầu nhờn và nhiên liệu lỏng tổng hợp	PPR14232	[1] Công nghệ chế biến dầu mỏ/ Lê Văn Hiếu. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật, 2009.
77	Các chuyên đề	PPR14233	[1] Flow Assurance Oil and Gas Chemistry Management, Qiwei Wang, Gulf Professional Publishing, 2022
78	Nhiệt động cân bằng	PPR12336	[1] Hoá lý và hoá keo, Nguyễn Hữu Phú, NXB KH&KT, Hà Nội 2003
79	TN Kỹ thuật hóa học	PPR13137LAB	[1] Giáo trình hướng dẫn thí nghiệm của Bộ môn Lọc Hóa dầu – Trường ĐH Dầu khí Việt Nam
80	TN Chuyên ngành 1	PPR13138LAB	[1] “Hóa học dầu mỏ và khí”; Đinh Thị Ngọc; 2008
81	Công nghệ Lọc dầu	PPR13339	[1] Petroleum Refining: Technology, Economics, and Markets, Sixth Edition, Mark J. Kaiser, Arno de Klerk, James H. Gary, Glenn E. Handwerk - CRC Press, 2019. [2] Crude oil, petroleum products, process flowsheets : Petroleum refining . volume 1 - Paris: Editions Technip, 1995.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
82	Thực tập nghề nghiệp 2 (hè)	PPR13240	[1]. Chemical engineering design: principles, practice and economics of plant and process design / Towler, Gavin; Sinnott, Ray. - 2nd ed. - Oxford, UK. : Elsevier Ltd. , 2013. [2] Chemical process equipment: selection and design. - MA. : Elsevier Inc , 2012. [3] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 1 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 1999. [4] Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 2 / Nguyễn, Bin. - Hà Nội : Khoa học và Kỹ thuật , 2000.
83	Nhập môn dầu khí	PET21201	[1] Hoàng Đình Tiến, Địa chất dầu khí và phương pháp tìm kiếm, thăm dò, theo dõi mỏ, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2009. [2] Lê Phước Hào, Cơ sở khoan và khai thác dầu khí, NXB Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, 2006.
84	Cơ sở Kỹ thuật khoan	PET13202	[1] Robert F. Mitchell and Stefan Z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011.
85	Cơ sở mô phỏng vỉa dầu khí	PET13203	[1]. T. Eterkin et al., 2001. Basic Applied Reservoir Simulation, SPE, Texas
86	Cơ sở công nghệ mỏ	PET13244	[1] Fundamentals of Reservoir Engineering, L. P. Dake, Elsevier Scientific Publishing Co., New York, 1978.
87	Vật lý vỉa (+Lab)	PET12304	[1] Petrophysics: Theory and Practice of Measuring Reservoir Rock and Fluid Transport Properties, 2nd edition, Tiab D. and Donaldson, E.C., 2004, Gulf professional publishing, Boston; [2] Physical Properties of Rocks: Fundamentals and Principles of Petrophysics, Schon, J.H. 1996. Pergamon, Oxford, UK.
88	Kiến tập định hướng nghề nghiệp	PET11105	[1] Lê Phước Hào, Cơ sở khoan và khai thác dầu khí, NXB Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, 2006.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
89	Quá trình vận chuyển chất lưu trong khai thác dầu khí	PET12306	[1] Fluid Mechanics: Fundamentals and Applications 3e, Cengel, McGraw-Hill, 2013
90	Thực tập nghề nghiệp 1 (Hè)	PET12207	[1] Robert F. Mitchell and Stefan Z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011
91	Phương pháp số trong kỹ thuật dầu khí	PET13308	[1] Numerical Methods for Engineers, 8th Edition; Steven C. Chapra, Raymond P. Canale, 2020
92	Chất lưu vỉa dầu khí	PET13309	[1] Properties of Petroleum Fluids, William D. McCain, 3rd edition, Pennwell Publishing company, 2017.
93	Địa cơ học	PET13310	[1] Jean Francois Nauroy, Geomechanics applied to the petroleum industry, 2011, IFP Energies nouvelles, Technip editions. [2] Mark D. Zoback, Reservoir geomechanics, 2010, Cambridge university press
94	Hệ thống khai thác dầu khí (+Lab)	PET13411	[1] Petroleum production systems, 2nd edition. Economides M.J., Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, PTR Prentice-Hall, 2017.
95	Kỹ thuật Khoan	PET13312	[1] Robert F. Mitchell and Stefan z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011.
96	Đánh giá thành hệ	PET13313	[1] Openhole Log Analysis and Formation Evaluation, Bateman, R. M., Society of Petroleum Engineers, 2012
97	Công nghệ mỏ (+Lab)	PET13314	[1] Reservoir engineering handbook (3rd edition), Ahmed. T, Gulf Professional Publishing, 2006.
98	Thử vỉa	PET13315	[1] Spivey John P. , Lee. W.John: Applied Well Test Interpretation, SPE (2013)
99	Đồ án chuyên ngành 1	PET13116	[1] Robert F. Mitchell and Steían z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011.
100	Thực tập nghề nghiệp 2 (Hè)	PET13217	[1] Economides M. L, Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, D. Zhu., Petroleum production Systems. PTR Prentice-Hall, 1994.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
101	Mô phỏng vỉa	PET14318	[1].J.H. Abou-Kassem et al., 2006. Petroleum Reservoir Simulation – A Basic Approach, Gulf Publishing Company, [2].T. Eterkin et al., 2001. Basic Applied Reservoir Simulation, SPE, Texas
102	Mô hình hóa mỏ tích hợp	PET14319	[1]. Kelkar M., Perez G., (2002): Applied Geostatistics for Reservoir Characterization. Society of Petroleum Engineers, Texas
103	Kỹ thuật khai thác	PET14320	[1]. Petroleum production systems, 2nd edition. Economides M.J., Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, PTR Prentice-Hall, 2013.
104	Dự án phát triển mỏ	PET14321	[1]. Hussein K. Abdel-Aal and Mohammed A. Alsahlawi. 2014. Petroleum Economics and Engineering. Third edition, CRC Press Taylor & Francis Group, 6000 Broken Sound Parkway NW, Suite 300Boca Raton, FL 33487-2742, USA.
105	Thu hồi dầu tăng cường	PET14222	[1]. Enhanced oil recovery: SPE Textbook Series, Green, Don W; Willhite, G. Paul . volume 6, Society of Petroleum Engineers, 1998
106	Đồ án chuyên ngành 2	PET14123	[1] Reservoir engineering handbook (3rd edition), Ahmed. T, Gulf Professional Publishing, 2006. [2] Petroleum production systems, Economides M.J., Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, PTR Prentice-Hall, 1994.
107	Thực tập tốt nghiệp	PET14324	[1] Robert F. Mitchell and Stefan Z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011. [2] Reservoir engineering handbook (3rd edition), Ahmed. T, Gulf Professional Publishing, 2006. [3] Petroleum production systems, Economides M.J., Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, PTR Prentice-Hall, 1994.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
108	Đồ án tốt nghiệp	PET14825	[1] Robert F. Mitchell and Stefan Z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011. [2] Reservoir engineering handbook (3rd edition), Ahmed. T, Gulf Professional Publishing, 2006. [3] Petroleum production systems, Economides M.J., Hill A.D., Ch. Ehlig-Economides, PTR Prentice-Hall, 1994. [4] Goldemberg, J (2012). Energy: What Everyone Needs to Know. Oxford University Press.
109	Dung dịch Khoan (+Lab)	PET12226	[1] Richardson TX, Drilling fluids, SPE, 1997.
110	Hoàn thiện và kích thích giếng	PET12227	[1] Jonathan Bellarby, Well Completion Design, Elsevier Science. 2009 [2] Perrin Denis, Caron Michel, Gaillot Georges, Well Completion and Servicing: oil and gas field development techniques. Editions technip. 1999.
111	Xử lý và vận chuyển dầu khí	PET12228	[1] Properties of Petroleum Fluids, 3E William D. McCain, Jr., Pennwell Publishing Company, 2017
112	Thiết bị khoan – khai thác và vận hành	PET12229	[1] Petroleum engineering handbook. Larry W. Lake. Volume III - Facilities and construction engineering. SPE. 2007 [2] Richardson TX, Drilling, Society of petroleum engineers, 1987
113	Thiết kế và vận hành hiệu quả quá trình khoan	PET12230	[1] Robert F. Mitchell and Stefan Z. Miska: Fundamentals of Drilling Engineering, Society of Petroleum Engineers, Richardson, TX, 2011.
114	Những bài toán thông dụng trong kỹ thuật khai thác	PET12231	[1] Petroleum production engineering: A Computer-Assisted approach, Boyun Guo, William C. Lyons, Aii Ghalambor, Elsevier Science & Technology books.
115	Xi măng (+Lab)	PET13232	[1] Nelson Erik B, Well cementing, Elsevier science publishing company, 1990.
116	Công nghệ khoan trong điều kiện phức tạp	PET14134	[1] Gabolde Gilles, Nguyên Jean Paul, Drilling data handbook, IFP Publications, 8th ed. Technip, 2006.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
117	Công nghệ khoan định hướng và vươn xa	PET14135	[1] A proposal to provide an ADS9800 full rig floor advanced drilling and well control simulator, Logan Utah, DIGITRAN, 1995.
118	Công nghệ khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam	PET14136	[1] Production operations engineering: Petroleum engineering handbook, Richardson TX, SPE, 2007.
119	Phát triển khai thác các mỏ cận biên	PET14137	[1] Bach Ho field Vietsovpetro, Vietsovpetro, 1995.
120	Khai thác dầu nặng	PET14138	[1] Green, Don W; Willhite, G. Paul: Enhanced oil recovery: SPE Textbook Series, 1998
121	Công nghệ khai thác và xử lý khí	PET14139	[1] Gas Reservoir Engineering. Richardson TX. Society of Petroleum Engineers. 1999.
122	Sinh cát và kiểm soát cát trong khai thác dầu khí	PET14140	[1] Bellarby Jonathan, Well completion design: development in petroleum science, Elsevier, 2009.
123	Thu dọn mỏ	PET14141	[1] Khalifeh, M & Saasen, A 2020, Introduction to permanent plug and abandonment of wells, Ocean Engineering & Oceanography, vol. 12, SpringerOpen.
124	Địa thống kê	PET13242	[1] Jef Caers, Petroleum Geostatistics, SPE, 2005 [2] Kelkar Mohan, Perez Godofredo Richardson, Applied geostatistics for reservoir characterization, SPE, 2002.
125	Giới thiệu hệ thống khoan (+Lab)	PET12443	[1] Richardson TX, Drilling, Society of petroleum engineers, 1987
126	Địa chất đại cương	GEO12302	[1] Charles C. Plummer, Diane H. Carlson, Lisa Hammersley, Physical Geology. 13th Edition, 2010 [2] Địa chất cơ sở (Biên dịch từ Physical geology của Sheldon Judson và Marvin E. Kauffman), Huỳnh Thị Minh Hằng, Trường Đại học Kỹ thuật Tp.HCM : 2011. (Tái bản lần thứ 2)
127	Khoáng vật học (+Lab)	GEO12303	[1] Đỗ Thị Vân Thanh (chủ biên), Trịnh Hân. Khoáng vật học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2011. 386 trang. [2] Dexter Perkins, 2002. Mineralogy, Second Edition. Prentice Hall.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
128	Cơ sở Địa chất công trình và Địa chất thủy văn	GEO12204	[1] Hydrogeology and engineering geology - A. M. Galperin, V. S. Zaytsev, Yu. A. Norvatov, R. B. Zeidler, 1993 [2] Địa Chất Thủy Văn Ứng Dụng, Tập 1 & 2 - Nguyễn Uyên - NXB Xây Dựng, 2000
129	Thạch học Magma và biến chất (+Lab)	GEO12305	[1].Winter, 2014. Principles of Igneous and Metamorphic Petrology, Second Edition, Pearson Education Limited, London [2].Philpotts, Anthony R, Petrography of igneous and metamorphic rocks, 1989, e-book.
130	Địa chất cấu tạo (+Lab)	GEO12306	[1] Robert J. Twiss, Eldridge M. Moores, Structural Geology. Second Edition, 2007.
131	Thực tập địa chất ngoài trời (Hè)	GEO12207	[1] Barnes, J., and Lisle, R., 2004. Basic Geological Mapping, (4th Ed.), Waveland Press.
132	Trầm tích học (+Lab)	GEO13408	[1] Trần Nghi. Trầm tích học. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
133	Cổ sinh và địa tầng	GEO13309	[1] Donald Prothero, D. R, "Bringing Fossils to Life: An Introduction to Paleobiology" 3rd ed., Columbia University Press (2013).
134	Địa hóa dầu khí	GEO13210	[1] Hoàng Đình Tiến, Nguyễn Việt Kỳ, Giáo trình Địa hóa dầu khí, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003.
135	Địa chất dầu khí	GEO13311	[1] Selley, Richard. Elements of Petroleum Geology (2nd ed.), Academic Press, 1998 [2] Hoàng Đình Tiến, 2009, Địa chất dầu khí và Phương pháp tìm kiếm, thăm dò, theo dõi mỏ. Tái bản lần thứ 2, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
136	Các phương pháp thăm dò địa vật lý (+Lab)	GEO13437	[1] Field Geophysics, 4th ed, Milsom, J. and Eriksen, A. (2003). ISBN: 978-0-470-74984 [2] Bài giảng cơ sở lý thuyết xử lý số liệu địa vật lý, Phạm, Năng Vũ, Hà Nội : Trường Đại học Mỏ - Địa chất , 2002

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
137	Địa vật lý giếng khoan	GEO13314	[1] Hoàng Văn Quý, Nguyễn Xuân Khá, Nguyễn Thị Hải Hà, Giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2018.
138	Địa chấn dầu khí (3TC)	GEO13315	[1] Mai Thanh Tân: Thăm dò địa chấn, NXBGTVT (2011) [2] Practical seismic data analysis, Zhou, Hua-Wei. - Cambridge University Press, 2014
139	Địa chất biển	GEO13216	[1] Trần Nghi, 2009. Trầm tích luận trong địa chất biển và dầu khí, 328 tr. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
140	Đồ án chuyên ngành 1	GEO13117	[1] Nguyễn Hiệp, Nguyễn Văn Đắc, và nnk, 2007. Địa chất và Tài nguyên Dầu khí Việt Nam. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
141	Trắc địa bản đồ	GEO13218	[1] Trắc địa đại cương, Phạm Văn Chuyên, Tái bản lần thứ 4 có chỉnh sửa và bổ sung, NXB Giao thông vận tải, 2008
142	Phân tích bể trầm tích dầu khí	GEO13319	[1] Philip A.Allen and John A.Allen, Basin analysis, principles and applications, Blackwell Publising, 2005..
143	Địa chất mỏ dầu khí (+Lab)	GEO14320	[1]. Địa chất mỏ dầu khí. Hoàng Văn Quý, 2015. Viện Dầu khí Việt Nam
144	Mô hình hóa bể trầm tích	GEO13222	[1] Thomas Hantschel , Armin I. Kauerauf ( 2010) Fundamentals of Basin and Petroleum Systems Modeling. Springer-Verlag Berlin Heidelberg
145	Thực tập nghề nghiệp (Hè)	GEO13223	[1] Selley, Richard. Elements of Petroleum Geology (2nd ed.), Academic Press, 1998 [2] Hoàng Đình Tiến, 2009, Địa chất dầu khí và Phương pháp tìm kiếm, thăm dò, theo dõi mỏ. Tái bản lần thứ 2, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. [3] Hoàng Văn Quý, Nguyễn Xuân Khá, Nguyễn Thị Hải Hà, Giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2018.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
146	Thực hành xử lý và minh giải tài liệu địa chấn	GEO13424LAB	[1] Yilmaz Oz, Seismic data analysis: Processing, Inversion and Interpretation of seismic data, Society of Exploration Geophysicists, Tulsa, Oklahoma (2001). [2] Mai Thanh Tân: Thăm dò địa chấn, NXBGTVT (2011)
147	Đồ án chuyên ngành 2	GEO14126	[1] Nguyễn Hiệp, Nguyễn Văn Đắc, và nnk, 2007. Địa chất và Tài nguyên Dầu khí Việt Nam. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
148	Địa chất và tài nguyên Việt Nam	GEO14327	[1] Trần Văn Trị và nnk, 2009. Địa chất và Tài nguyên Việt Nam. Nhà xuất bản KHTN & CN, Hà Nội. [2] Nguyễn Hiệp (Chủ biên), 2007. Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam. Nxb KH&KT, Hà Nội.
149	Địa vật lý ứng dụng	GEO14428	[1] Bùi Thế Bình, Bài giảng địa vật lý tổng hợp, Trường Đại học Mỏ địa chất, 2004 [2] Milsom, John. Field geophysics, 2013, e-book
150	Địa chất khai thác	GEO14229	[1] Applied petroleum reservoir engineering / Terry, Ronald E; Rogers, J.Brandon / Terry, Ronald E; Rogers, J.Brandon. - 3rd ed. - Prentice Hall. 2015 [2] Petroleum reservoir engineering practice / Ezekwe, Nnaemeka / Ezekwe, Nnaemeka. - Prentice Hall, 2011

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
151	Thực tập tốt nghiệp	GEO14331	<p>[1] Selley, Richard. Elements of Petroleum Geology (2nd ed.), Academic Press, 1998</p> <p>[2] Hoàng Đình Tiến, 2009, Địa chất dầu khí và Phương pháp tìm kiếm, thăm dò, theo dõi mỏ. Tái bản lần thứ 2, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>[3] Hoàng Văn Quý, Nguyễn Xuân Khá, Nguyễn Thị Hải Hà, Giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2018.</p> <p>[4] Mai Thanh Tân: Thăm dò địa chấn, NXBGTVT (2011)</p> <p>[5] Practical seismic data analysis, Zhou, Hua-Wei. - Cambridge University Press, 2014</p> <p>[6] Hydrocarbon Exploration and Production, Frank Jahn, Mark Cook, Mark Graham Elsevier (2008), ISBN: 9780080568836</p> <p>[7] Technical guidance for petroleum exploration and production plans, Tarek Al-Arbi Omar Ganat, Springer (2020). ISBN: 978-3-030-45249-0.</p>
152	Đồ án tốt nghiệp	GEO14832	<p>[1] Nguyễn Hiệp, Nguyễn Văn Đắc, và nnk, 2007. Địa chất và Tài nguyên Dầu khí Việt Nam. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p>
153	Trần tích học	GEO12234	<p>[1] Trần Nghi. Trần tích học. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.</p>
154	Trần tích học	GEO13334	<p>[1] Trần tích học. Trần Nghi. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.</p> <p>[2] Principles of Sedimentology and Stratigraphy. Fourth Edition, Sam Boggs, Jr. Pearson Education Limited, 2014.</p> <p>[3] Sedimentary geology : sedimentary basins, depositional environments, petroleum formation : IFP Publications / Bijou-Duval, Bernard, Editions Technip : 2002</p>
155	Địa vật lý đại cương	GEO12235	<p>[1] Nguyễn Đức Tiến, Địa vật lý đại cương. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010.</p>
156	Địa hóa dầu khí	GEO13210	<p>[1] Hoàng Đình Tiến, Nguyễn Việt Kỳ, Giáo trình Địa hóa dầu khí, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003.</p>

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
157	Các phương pháp thăm dò địa vật lý	GEO13313	1. Field Geophysics, Milsom, J. (2003). 2. Bài giảng cơ sở lý thuyết xử lý số liệu địa vật lý, Phạm, Năng Vũ, Hà Nội : Trường Đại học Mở - Địa chất , 2002 3. Thăm dò Địa chấn- Mai Thanh Tân, 2011. Nhà xuất bản Giao thông vận tải
158	Địa vật lý giếng khoan (+Lab)	GEO13438	[1] Hoàng Văn Quý, Nguyễn Xuân Khá, Nguyễn Thị Hải Hà, Giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2018.
159	Địa chấn dầu khí (4TC)	GEO13439	[1] Mai Thanh Tân: Thăm dò địa chấn, NXBGTVT (2011) [2] Practical seismic data analysis, Zhou, Hua-Wei. - Cambridge University Press, 2014
160	Địa chất mỏ dầu khí	GEO14241	[1] Hoàng Văn Quý, 2015. Địa chất mỏ dầu khí, Viện Dầu khí Việt Nam, Hà Nội.
161	Khoa học dữ liệu địa chất	GEO12343	[1] Jef Caers, Petroleum Geostatistics, SPE, 2005 [2] Numerical Methods for Engineers, 8th Edition; Steven C. Chapra, Raymond P. Canale; ISBN-13 9780073401065
162	Trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí	GEO14245	[1] Mark E. Fenner, Machine Learning With Python For Everyone, Addison-Wesley Professional_Pearson education, 2020.
163	Thiết kế dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí	GEO14325	[1] Hydrocarbon Exploration and Production, Frank Jahn, Mark Cook, Mark Graham Elsevier (2008), ISBN: 9780080568836 [2] Technical guidance for petroleum exploration and production plans, Tarek Al-Arbi Omar Ganat, Springer (2020). ISBN: 978-3-030-45249-0.
164	Thiết kế dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí	GEO14342	[1] Hydrocarbon Exploration and Production, Frank Jahn, Mark Cook, Mark Graham Elsevier (2008), ISBN: 9780080568836 [2] Technical guidance for petroleum exploration and production plans, Tarek Al-Arbi Omar Ganat, Springer (2020). ISBN: 978-3-030-45249-0.
165	Dòng chảy chất lưu trong môi trường rỗng	GEO14244	[1] Coutelieis F. A. and Delgado J.M.P.Q. 2012. Transport Processes in Porous Media. Springer Berlin Heidelberg. ISBN: 9783642279102.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Giáo trình/tài liệu chính thức
166	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám (GIS và RS)	GEO12247	[1] Giáo trình triết học Mác - Lenin. Nxb Chính trị quốc gia. 2009
167	Vật lý via	PET12244	[1] Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh. Nxb Chính trị quốc gia. 2009